

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH KHÁCH SẠN

Số: .../HDHTKD

- Căn cứ: Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;
- Căn cứ: Luật đầu tư số 61/2020/QH14;
- Căn cứ: Thỏa thuận của các bên.

Hôm nay, ngày tháng ... năm 20... tại địa chỉ....., chúng tôi bao gồm:

BÊN

A:.....
.....

Mã số thuế:

.....

Địa

chỉ:
.....

Email:.....
.....

Số điện thoại liên

lạc:.....

Fax(nếu có)

:.....

Đại

diện:.....
.....

Căn cứ đại

diện:

Chức

danh:.....
.....

BÊN B:

Mã số
thuế:

Địa
chỉ:

Email:.....

Số điện thoại liên
lạc:

Fax (nếu có):
.....

Đại
diện:

Căn cứ đại
diện:

Chức danh:
.....

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng số/HĐHTKD với những nội
dung sau đây:

Điều 1. Mục tiêu và phạm vi hợp tác kinh doanh

1.1 Mục tiêu hợp tác kinh doanh: Bên A và Bên B nhất trí cùng nhau hợp tác kinh
doanh, điều hành và chia sẻ lợi nhuận có được từ việc hợp tác kinh doanh

1.2. Phạm vi hợp tác kinh doanh: Hai bên cùng nhau hợp tác kinh doanh, điều hành,
quản lý hoạt động kinh doanh để cùng phát sinh lợi nhuận

1.2.1 Bên A chịu trách nhiệm: quản lý chung mặt bằng kinh doanh và định hướng phát
triển kinh doanh của khách sạn;.....

1.2.2 Bên B chịu trách nhiệm: điều hành toàn bộ quá trình kinh doanh của khách sạn;
Tìm kiếm, đàm phán ký kết, thanh toán hợp đồng với các nhà cung cấp nguyên liệu;
Tuyển dụng, đào tạo, quản lý nhân sự phục vụ cho hoạt động kinh doanh trong phạm
vi hợp tác; Đầu tư xúc tiến phát triển hoạt động thương mại trong phạm vi hợp
tác;.....

Điều 2. Thời hạn của hợp đồng

Thời hạn của hợp đồng: lànăm

Kể từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...;

Gia hạn hợp đồng: Hết thời hạn trên hai bên có thể thỏa thuận gia hạn thêm thời hạn của hợp đồng hoặc thỏa thuận ký kết hợp đồng mới tùy vào điều kiện kinh doanh của Hai bên;

Điều 3. Góp vốn và phân chia kết quả kinh doanh

3.1. Góp vốn

Bên A góp vốn bằng: tương đương với số tiền là

Bên B góp vốn bằng: tương đương với số tiền là

3.2. Phân chia kết quả kinh doanh

3.2.1. Tỷ lệ phân chia: Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh được chia như sau Bên A được hưởng %, Bên B được hưởng % trên lợi nhuận sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ với Nhà nước;

3.2.2. Thời điểm chia lợi nhuận: Ngày cuối cùng của năm tài chính. Năm tài chính được tính bắt đầu từ ngày...tháng... đến ngàytháng...; riêng năm, năm tài chính được hiểu từ thời điểm hợp đồng này có hiệu lực đến ngàytháng...năm.....;

3.2.3. Trường hợp hoạt động kinh doanh phát sinh lỗ: Hai bên phải cùng nhau giải thỏa thuận giải quyết, trường hợp không thỏa thuận được sẽ thực hiện theo việc đóng góp như quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của luật này để bù đắp chi phí và tiếp tục hoạt động kinh doanh

Điều 4. Các nguyên tắc tài chính

4.1. Hai bên phải tuân thủ các nguyên tắc tài chính kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

4.2. Mọi khoản thu chi cho hoạt động kinh doanh đều phải được ghi chép rõ ràng, đầy đủ, xác thực.

Điều 5. Ban điều hành hoạt động kinh doanh

Thành viên ban điều hành: Hai bên sẽ thành lập một Ban điều hành hoạt động kinh doanh gồm người trong đó Bên A sẽ , Bên B sẽ cử Cụ thể ban điều hành gồm những người có tên sau:

– Đại diện của Bên A là: Ông/Bà-

– Đại diện của Bên B là: Ông/Bà –

– Ông:

Hình thức biểu quyết của ban điều hành:

Khi cần phải đưa ra các quyết định liên quan đến nội dung hợp tác được quy định tại Hợp đồng này. Mọi quyết định của Ban điều hành sẽ được thông qua khi có ít nhất hai thành viên đồng ý;

Việc Biểu quyết phải được lập thành Biên bản chữ ký xác nhận của các Thành viên trong Ban điều hành. Trụ sở ban điều hành đặt tại:

Điều 6: Quyền Và Nghĩa Vụ Của Các Bên

Các Bên cam kết tận tâm thực hiện các quyền và nghĩa vụ nêu trong Hợp đồng này.

Góp vốn đầy đủ và đúng hạn vào Vốn Hợp tác kinh doanh theo quy định tại Hợp đồng này.

Các Bên sẽ chịu trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận quy định trong Hợp đồng này cũng như có trách nhiệm đối với mọi vấn đề liên quan đến hoạt động Hợp tác kinh doanh tương ứng với phần vốn góp của mỗi Bên trong Vốn Hợp tác kinh doanh. Quyền và nghĩa vụ của Các Bên trong hoạt động Hợp tác kinh doanh có thể sẽ thay đổi tương ứng với sự thay đổi về tỷ lệ vốn góp của mỗi bên trong Vốn Hợp tác kinh doanh.

Các quyền và nghĩa vụ khác

Điều 7: Chuyển Nhượng Phần Vốn Hợp Tác Kinh Doanh

Trong quá trình Hợp tác kinh doanh, một trong Các Bên có quyền chuyển nhượng (“Bên Chuyển Nhượng”) một phần hoặc toàn bộ vốn góp của mình trong Vốn Hợp tác kinh doanh cho một bên thứ ba bất kỳ (“Bên Nhận Chuyển Nhượng”) sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp vốn theo tiến độ đã thỏa thuận trong Hợp đồng này và theo các quy định sau đây:

7.1. Bên Chuyển Nhượng muốn chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình trong Vốn Hợp tác kinh doanh phải chào bán phần vốn đó cho Bên Hợp tác kinh doanh còn lại. Bên Chuyển Nhượng chỉ được quyền chuyển nhượng cho Bên Nhận Chuyển Nhượng nếu Bên Hợp tác kinh doanh còn lại không mua hoặc không mua hết.

7.2. Khi đó, Bên Chuyển Nhượng có quyền chuyển nhượng phần vốn góp Hợp tác kinh doanh của mình cho Bên Nhận Chuyển Nhượng theo các yêu cầu sau:

- Bên Nhận Chuyển Nhượng phải cam đoan, đồng ý tôn trọng và bị ràng buộc bởi những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này và/hoặc bất kỳ thỏa thuận liên quan nào khác nêu trong các phụ lục kèm theo Hợp đồng này (nếu có);
- Việc chuyển nhượng vốn này không vi phạm các điều cấm của pháp luật liên quan.
- Bất kỳ bên nào tham gia việc chuyển nhượng Vốn Hợp tác kinh doanh mà không tuân thủ các quy định của Điều 7.1 nêu trên, thì trong mọi trường hợp việc chuyển nhượng Vốn Hợp tác kinh doanh của Bên đó cho Bên Nhận Chuyển Nhượng đều bị coi là không có giá trị và không làm thay đổi các quyền và nghĩa vụ của Bên Chuyển Nhượng đã nêu trong Hợp đồng này.

Điều 8: Sửa đổi

Mọi sửa đổi, bổ sung liên quan đến Hợp Đồng này đều phải được lập bằng văn bản dựa trên sự thỏa thuận và được ký bởi Bên A và Bên B.

Điều 9: Chấm dứt hợp đồng

9.1. Hợp đồng có thể chấm dứt trong các trường hợp sau đây: Theo thoả thuận của hai Bên; Do bất khả kháng; Sau khi các Bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng; Theo quy định của pháp luật.

9.2. Một Bên được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng nhưng phải thông báo cho Bên còn lại trước ba mươi ngày. Nếu việc chấm dứt Hợp đồng của một Bên không do lỗi của Bên còn lại và hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng gây tổn thất, thiệt hại cho Bên còn lại thì Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

9.3. Trường hợp một Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng do lỗi của Bên còn lại thì Bên còn lại phải bồi thường các thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng.

9.4. Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng trước hạn vì bất cứ lý do gì, hai Bên có nghĩa vụ tiến hành thanh lý hợp đồng bằng việc lập Biên bản thanh lý để xác nhận chấm dứt mọi quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên quy định tại Hợp đồng này.

9.5. Bất kể Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp nào, Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các chi phí Bên A đến thời điểm Hợp đồng chấm dứt.

9.6. Các khoản phạt và bồi thường thiệt hại và nghĩa vụ thanh toán của bất kỳ Bên nào đối với Bên còn lại phải được thực hiện trong vòng ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng

Điều 10: Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại

10.1. Phạt vi phạm là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm trả một khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng nếu trong hợp đồng có thỏa thuận, trừ các trường hợp miễn trách nhiệm quy định tại Bộ luật Dân sự.

10.2. Hai bên thỏa thuận phạt vi phạm đối với bất kỳ hành vi vi phạm hợp đồng như sau: Vi phạm lần 1 với số tiền là VNĐ/ Vi phạm lần 2 với số tiền là VNĐ

10.3. Nếu một bên vi phạm hơn lần đối với một nghĩa vụ hoặc hơn ... nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng thì bên kia có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng đồng thời có quyền yêu cầu bên vi phạm hợp đồng thanh toán phí vi phạm hợp đồng và bồi thường nếu có thiệt hại xảy ra.

10.4. Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng, một trong hai bên có hành vi vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho bên kia thì phải bồi thường thiệt hại, theo đó, bên gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm hoàn toàn và bồi thường thiệt hại đối với những thiệt hại mà hành vi vi phạm đó trực tiếp gây hậu quả.

Điều 11: Giải quyết tranh chấp

11.1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có tranh chấp phát sinh các bên giải quyết trên tinh thần hòa giải, thương lượng. Các bên tiến hành thương lượng, hòa giải ít nhất lần trong vòngtháng kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp. Trường hợp

thương lượng bất thành, một trong hai bên có quyền khởi kiện ra toà án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

11.3. Hợp đồng này được xác lập và thi hành theo pháp luật của Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Điều 12: Điều khoản thi hành

12.1 Hợp đồng này được ký kết tại, vào ngày tháng ... năm

12.2 Hợp đồng được lập thành ba (03) bản, có giá trị pháp lý ngang nhau và có hiệu lực từ ngày tháng ... năm, Khi hai bên ký phụ lục hợp đồng thì nội dung của phụ lục hợp đồng cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng này.

....., ngày ...tháng ... năm

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký tên, đóng dấu)